

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 618 /QĐ-ĐHHD, ngày 05 tháng 4 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình: Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Chuyên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 8.34.01.01

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ QTKD được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2014 theo định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo Thạc sĩ QTKD có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để trở thành những nhà quản trị, lãnh đạo điều hành trong tổ chức. Sau 3 lần điều chỉnh vào năm 2016, 2019 nhằm thích ứng với nhu cầu và những thay đổi của trường và bối cảnh đào tạo. Đến nay CTĐT thạc sĩ QTKD đã cơ bản đáp ứng được các mục tiêu và kỳ vọng của người học, đơn vị sử dụng lao động và được xã hội đánh giá cao về chất lượng. Chương trình đào tạo QTKD được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế của xã hội và sự kế thừa, vận dụng chương trình đào tạo QTKD của các trường đại học lớn trong nước như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thương Mại, đại học Quốc Gia Hà Nội cũng như các chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD của các trường đại học trên thế giới như Hàn quốc, Thái Lan, Vương quốc Anh, Mỹ.

Chương trình đào tạo năm 2022 tiếp tục được điều chỉnh bổ sung theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ trên cơ sở phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu công việc trong điều kiện thị trường không ngừng phát triển, chương trình đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 có nhiều cải tiến về nội dung hình thức dạy học kiểm tra đánh giá và đặc biệt là đào tạo

theo hướng ứng dụng, bổ sung thêm nhiều học phần mới, nhiều thời lượng thực hành thực tập rèn luyện kỹ năng đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển trong thời đại công nghiệp 4.0, thời đại kinh tế số.

Chương trình đào tạo ngành cao học Quản trị kinh doanh gồm 60 tín chỉ phân bổ cho 15 học phần lý thuyết và 01 học phần thực tập, 01 học phần tốt nghiệp. Trong đó có 11 học phần bắt buộc (39 tín chỉ) và 15 học phần tự chọn (21 tín chỉ) được phân bổ trong 4 học kỳ. Kỳ 1: gồm 4 học phần (12 tín chỉ); kỳ 2: gồm 05 học phần (15 tín chỉ); kỳ 3: gồm 06 học phần (18 tín chỉ); kỳ 4: gồm 01 học phần thực tập (06 tín chỉ) và 01 hp tốt nghiệp (09 tín chỉ).

- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 01 học phần (04 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 01 học phần (03 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 05 học phần (15 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành gồm 08 học phần (23 tín chỉ);
- Thực tập (06 tín chỉ)
- Đề án tốt nghiệp (09 tín chỉ).

Để đảm mục tiêu và chất lượng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, ngành Quản trị kinh doanh đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ cơ sở vật chất, hệ thống tài liệu giáo trình, hệ thống kết nối doanh nghiệp và đơn vị tuyển dụng. Cụ thể, hiện nay ngành QTKD đang có 1 phó giáo sư, 7 tiến sĩ và 8 thạc sĩ chuyên ngành QTKD có kinh nghiệm giảng dạy trung bình từ 8 đến 25 năm, có năng lực công tác tốt, nhiệt huyết trong công việc, được đào tạo bài bản tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước như Trường Đại học Kinh tế quốc Dân, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Thương Mại, Đại học Hoàng Gia Thái Lan, Đại học Tổng hợp Southern Luzon (Philippine), Đại học Quebec (Canada), Đại học Greenwick (Anh),... Cơ sở vật chất đào tạo khang trang với hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, âm thanh, ánh sáng và quạt điện; Hệ thống phòng thực hành và trung tâm thư viện hiện đại được đưa vào ứng dụng giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo sát với thực tiễn từ phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên. Ngoài ra Ngành QTKD đã ký kết hợp tác chiến lược trong đào tạo thực tế với 22 doanh nghiệp trong tỉnh và có mối quan hệ trao đổi, đào tạo với gần 100 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Đây sẽ là những tiền đề, điều kiện tốt để học viên cao học ngành QTKD được học tập, trải nghiệm và đạt được các chuẩn năng lực đầu ra như mục tiêu đã xây dựng, đáp ứng yêu cầu của đơn vị tuyển dụng và xã hội.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Business Administration
Mã ngành đào tạo:	8.34.01.01
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Số tín chỉ:	60
Hình thức đào tạo:	- Chính quy - Định hướng ứng dụng
Thời gian đào tạo:	18-24 tháng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp đại học theo quy định
Thang điểm đánh giá:	Hệ 10
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (60 tín chỉ);- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên.- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam);- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Vị trí việc làm	<p>Sau khi hoàn thành CTĐT thạc sĩ ngành QTKD, học viên có thể làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác ở những vị trí làm việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cán bộ, quản trị viên ứng với các vị trí công việc tại phòng chức năng. Triển vọng trở thành giám đốc, phó giám đốc, trưởng phó phòng, ban, bộ phận, dự án,...- Giám đốc trong các tổ chức, doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn, siêu thị, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí.- Chuyên viên cao cấp phân tích và tư vấn các vấn đề về thị trường và quản trị doanh nghiệp, nhân viên tác nghiệp trong các tổ chức kinh tế; giám sát viên cho các nhân hàng hoặc giám sát khu vực cho các công ty.

	- Nguyên cứu viên, giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các viện và trung tâm nghiên cứu.
Học tập nâng cao trình độ	Tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT ngành QTKD	Ngày 31 tháng 03 năm 2022

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1 Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng được thiết kế nhằm đào tạo thạc sĩ có kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành sâu rộng hiện đại về kinh doanh và quản lý; Có kỹ năng lãnh đạo, điều hành chuyên nghiệp trong tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với bối cảnh thực tế; Có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn; Có đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và khả năng tiếp tục học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thích nghi với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp, bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4.

3.2 Mục tiêu cụ thể

Đào tạo Thạc sĩ QTKD đạt các mục tiêu cụ thể sau:

Mã hoá mục tiêu CTĐT (PO)	Mô tả
PO1	Có đầy đủ kiến thức chuyên môn sâu rộng và hiện đại về kinh doanh và quản lý từ đó vận dụng thành thạo trong phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quản trị các tổ chức/ doanh nghiệp.
PO2	Có kiến thức nâng cao về kinh tế, tài chính, kế toán từ đó vận dụng trong đánh giá, tổng hợp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản trị kinh doanh.
PO3	Có khả năng vận dụng thành thạo, sáng tạo các kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu quản trị tổ chức, doanh nghiệp.
PO4	Tiếng Anh đạt chuẩn bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam.
PO5	Có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội; Có khả năng tiếp tục học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thích nghi với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp, bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0.

4. Chuẩn đầu ra CTĐT

Chương trình được thiết kế đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

Mã hoá chuẩn đầu ra (PLO)	Mô tả
PLO1	Vận dụng được kiến thức triết học Mác – Lênin vào phân tích, đánh giá và giải thích được các vấn đề của tổ chức và nền kinh tế vĩ mô của thị trường trong bối cảnh hiện nay.
PLO2	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam, cụ thể có khả năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong giao tiếp trong quản trị kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.
PLO3	Vận dụng thành thạo được các kiến thức nâng cao về kinh tế, tài chính, kế toán, đầu tư phục vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định liên quan đến quá trình điều hành tổ chức, doanh nghiệp.
PLO4	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, hiện đại về quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, lãnh đạo và quản lý vào phân tích, đánh giá, giải quyết các nhiệm vụ quản trị điều hành tổ chức, doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.
PLO5	Tổng hợp và vận dụng kiến thức để xây dựng các kế hoạch, chương trình, dự án trong quản trị marketing, tác nghiệp, tài chính, nhân sự trong tổ chức, doanh nghiệp.
PLO6	Phân tích được môi trường kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu để xác định cơ hội và thách thức từ đó hoạch định được chiến lược, kế hoạch sử dụng các nguồn lực phát triển tổ chức, doanh nghiệp ngày càng vững mạnh.
PLO7	Thành thạo các kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và quản trị nhóm làm việc hiệu quả để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình điều hành tổ chức, doanh nghiệp.
PLO8	Hình thành được kỹ năng nhân sự, kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng hợp tác đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành tổ chức, doanh nghiệp.
PLO9	Hoàn thiện phẩm chất đạo đức, có lập trường, tư tưởng chính trị

	vững vàng, sẵn sàng tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; Có năng lực đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp và có năng lực thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.
--	---

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức” kèm theo quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/1/2022. Cụ thể yêu cầu đối tượng dự tuyển gồm:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên, chính quy hoặc không chính quy; nếu bằng nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành) ngành phù hợp;

Đối với các chuyên ngành theo chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ loại khá trở lên hoặc có ít nhất một bài báo khoa học đã công bố có liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Đối với những người dự tuyển có văn bằng đại học phù hợp nhưng chưa đủ kiến thức ngành thì phải học bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương trước khi xét tuyển;

c) Đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Quản lý giáo dục theo chương trình định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

Danh mục ngành phù hợp và danh mục các HP bổ sung kiến thức.

- Nhóm 1: Học viên không phải học chuyển đổi trong trường hợp: Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may trong vòng 10 năm trở lại.

- Học viên phải học chuyển đổi gồm:

+ Nhóm 2: Đã tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm 1 quá 10 năm (120 tháng) kể từ ngày ghi trên bằng đại học đến ngày đăng ký dự thi tuyển sinh, học bổ sung kiến thức 03 môn (8 tín chỉ):

- Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)
- Quản trị sản xuất (2 tín chỉ)

- Quản trị nhân lực (3 tín chỉ)

+ Nhóm 3: Đã tốt nghiệp đại học các ngành Tài chính- Ngân hàng; Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán; Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản trị dự án, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, học bổ sung kiến thức 05 môn (13 tín chỉ):

- Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)

- Quản trị sản xuất (2 tín chỉ)

- Quản trị nhân lực (3 tín chỉ)

- Quản trị Marketing (3 tín chỉ)

- Quản trị doanh nghiệp 2 (2 tín chỉ)

+ Nhóm 4: Tốt nghiệp Đại học các ngành khác không thuộc nhóm ngành 01, 02 và nhóm ngành 03, học bổ sung kiến thức 07 môn (19 tín chỉ):

- Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)

- Quản trị sản xuất (2 tín chỉ)

- Quản trị nhân lực (3 tín chỉ)

- Quản trị Marketing (3 tín chỉ)

- Quản trị doanh nghiệp 2 (2 tín chỉ)

- Quản trị học (3 tín chỉ)

- Quản trị tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ)

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra								
	PL01	PL02	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
PO1			3	5	5	4			3
PO2			5	4	3	3			3
PO3					4	5	4	6	3
PO4		5							
PO5	5	4	5	3	3	3	3	3	5

Ghi chú:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.

- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Bản năng.

- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hồi đáp; 3-Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Giảng viên chuẩn bị bài giảng, nắm vững nội dung giảng dạy chuẩn bị hồ sơ lên lớp gồm đề cương, giáo trình, danh sách theo dõi quá trình học tập của học viên đầy đủ theo yêu cầu của từng học phần (được ghi trong đề cương chi tiết). Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng học viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Giảng viên chủ động đầu mối với các bộ phận có liên quan để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và thực hành của học viên.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy tích cực, tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (TLM1) (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não (A2), đặt và giải quyết vấn đề (TLM3), hoạt động nhóm (TLM4), dự án (TLM5), mô phỏng, nghiên cứu tình huống (TLM6) (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp lớp học đảo ngược (TLM7), thực hành (TLM8), nhập vai (TLM9), thăm quan thực tế doanh nghiệp (TLM10),... (áp dụng cho các tiết học thực hành, thực tế).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của học viên và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ học viên, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho học viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để học viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức đánh giá

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy để tính điểm học phần như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình và cuối kỳ, theo quy định tại Quyết định 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022 Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Hồng Đức. Cụ thể:

- Đánh giá chuyên cần (CC): Được thực hiện để đánh giá mức độ chuyên cần, tích cực, chủ động trong học tập của học viên. Trong số điểm chuyên cần là 20%.

- Đánh giá quá trình (TX): Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của học viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi vấn đáp (AM1), nêu tình huống và giải quyết vấn đề (AM2), bài tập nhóm (AM3), bài kiểm tra viết (AM4), kiểm tra trắc nghiệm (AM5).

- Đánh giá thi cuối kỳ (ĐT): Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do phòng ĐBCL & khảo thí xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của học viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: Kiểm tra tự luận (AM6), vấn đáp (AM1), bài tập nhóm (AM3), Báo cáo kết quả nghiên cứu thực tế (AM7), bài tập lớn, bài luận cuối kỳ (AM8).

$$\text{Điểm học phần (ĐHP)} = 20\%CC + 30\%TX + 50\%ĐT$$

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 15 TC	Bắt buộc	03
		Tự chọn	12
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 23 TC	Bắt buộc	14
		Tự chọn	09
4	Thực tập: 06 TC	Bắt buộc	06
5	Tốt nghiệp (đồ án): 09 TC	Bắt buộc	09
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
1	8THXH1	Triết học (4 TC)	<p>Nội dung học phần</p> <p>Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXXH&NV) gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam</p> <p>Năng lực cần đạt được:</p> <p>Hình thành cho người học được tư duy lôgic, thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, cách mạng khi xem xét và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn. Nắm vững cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Biết vận dụng được lý luận triết học Mác-Lênin để đánh giá các đúng các hiện tượng xã hội hiện đại và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Bộ giáo dục và đào tạo <i>Giáo trình Triết học</i> (2016) (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn) NXB Đại học sư phạm Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội</p>
2	8TA001	Tiếng Anh	<p>Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện,</p>	<p>* Giáo trình chính:</p> <p>1. Jan Bell and Amanda</p>

		(3TC)	<p>động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng anh; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong học phần này, học viên có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p>	<p>Thomas (2005), <i>Gold First</i>, Pearsons</p> <p>* Tài liệu tham khảo :</p> <p>1. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006), <i>Destination B2: Grammar and Vocabulary</i>, Macmillan Education</p>
3	3TK101	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý (3TC)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần bao gồm những lý luận chung về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, thảo luận và thực hành các bước trong quy trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, từ đó giúp học viên có được kiến thức, kỹ năng và ứng dụng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dành cho cấp học tương ứng) và thực hiện làm luận văn thạc sỹ theo chuyên ngành học tập. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cho người học những công cụ thống kê và các phần mềm sử dụng trong phân tích dữ liệu kinh tế. Cuối cùng, học phần giới thiệu quy</p>	<p>- Giáo trình chính:</p> <p>1. Nguyễn Văn Thắng (2019), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Đình Thọ (2014), <i>Giáo trình Phương</i></p>

			<p>định hiện hành về thủ tục đăng ký, làm luận văn và bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Học viên cao học hiểu được những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý nói riêng, từ đó vận dụng được để tiến hành thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết luận văn thạc sĩ đúng phương pháp và có chất lượng.</p>	<p><i>pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh</i>, NXB tài chính.</p> <p>2. Trần Tiên Khai (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản</i>, ĐH Kinh tế TP.HCM, NXB Lao động xã hội.</p>
4	3KT131	<p>Kinh tế học quản lý (3 TC)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần Kinh tế học quản lý là môn kinh tế học ứng dụng trong thực tiễn quản lý, cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các nguyên lý kinh tế vi mô như phân tích cung cầu, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư... kết hợp với các công cụ phân tích của khoa học để đưa ra những quyết định thích hợp về sản xuất và giá cả trong những môi trường cạnh tranh khác nhau.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Người học có thể vận dụng những lý thuyết kinh tế và những kỹ thuật định lượng vào phân tích đánh giá những vấn đề thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, những vấn đề mà các nhà quản lý phải đối mặt trong phạm vi chức năng của tổ chức cũng như các chiến lược mà họ phải tính đến từ đó đưa ra những quyết định kinh doanh giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu với</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Tạ Đức Khánh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế quản lý</i>, NXB Giáo dục</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Cao Thuý Xiêm, Nguyễn Thị Tường Anh (2012), <i>Kinh tế học vi mô 2</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Vũ Kim Dũng (2003), <i>Giáo trình Kinh tế Quản lý</i>, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, NXB Hồng Đức, Hà Nội.</p>

			hiệu quả cao nhất.	
5	3KT132	Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập (3TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về Nhà nước và quản lý nhà nước về kinh tế; Quy luật và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Các công cụ và phương pháp để nhà nước thực hiện quản lý nền kinh tế quốc dân; Mục tiêu và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Thông tin và quá trình đưa ra quyết định quản lý kinh tế; Bộ máy và cán bộ quản lý Nhà nước về KT trong thời kỳ hội nhập</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Người học có thể vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng để đánh giá, nhận biết và phân tích sơ bộ hiệu quả của các chính sách quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước. Có kỹ năng phân tích và vận dụng những kiến thức được học vào thực tiễn công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là khả năng hoạch định, phân tích và tổ chức thực thi các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, các công cụ, chính sách kinh tế trên phạm vi nền kinh tế, hoặc của địa phương, cũng như trong một số ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể ở nước ta hiện nay.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Phan Huy Đường (2015), <i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu (2008), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2020), <i>Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p>
6	3TC101	Thuế trong kinh doanh (3TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Sau khi học xong học phần, học viên hiểu được những kiến thức cơ bản và nâng cao về thuế và vận dụng hệ thống thuế hiện hành của Việt Nam trong kinh doanh, cụ thể như: Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống Thuế,</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Lê Hoàng Bá Huyền; Nguyễn Thị Bất đồng chủ biên (2016) - <i>Chính sách và</i></p>

			<p>Quản lý thuế, Tổng quát về hệ thống thuế đang áp dụng tại Việt Nam. Trong đó tập trung vào một số sắc thuế cơ bản như Thuế giá trị gia tăng, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế thu nhập doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Sau khi học xong học phần người học có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về thuế và quản lý thuế, các sắc thuế cụ thể vào những vấn đề thực tế liên quan đối với hoạt động SXKD tại doanh nghiệp. Bước đầu có thể hình thành những kỹ năng cơ bản cho người học về quản lý tài chính, quản lý thuế...</p>	<p><i>nghiệp vụ Thuế</i> - NXB Lao động.</p> <p>- Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Lê Hoàng Bá Huyền và các cộng sự (2016) - <i>Câu hỏi và bài tập thuế</i> - NXB Lao động.</p> <p>2. Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Văn Hiệu (2014), <i>Thuế</i>, NXB Tài chính.</p>
7	3QK238	Quản trị tài chính DN hiện đại (3TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần bao gồm những nội dung chính về những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp trong công ty cổ phần, đó là dự toán vốn đầu tư, rủi ro và lợi nhuận, chính sách cổ tức, cơ cấu vốn và chi phí vốn, quản trị tài sản ngắn hạn và những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Người học có thể phân tích, vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng, hiểu biết về quản trị tài chính doanh nghiệp trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế. Cụ thể:</p> <p>- Kiến thức: Học viên nắm vững kiến thức về quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại với việc giải quyết 3 vấn đề cơ bản của nhà quản trị là đầu tư</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), <i>Giáo trình tài chính doanh nghiệp</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), <i>Giáo trình tài chính Doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính</p> <p>2. Eugene F. Brigham, Joel</p>

			<p>vào lĩnh vực nào với việc dự toán vốn đầu tư; nguồn tài trợ và cơ cấu nguồn tài trợ như thế nào; và những quyết định liên quan đến quản lý hoạt động tài chính trong ngắn hạn cũng như những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp đối với công ty cổ phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Có kỹ năng phân tích, đánh giá về những vấn đề liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp. + Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu và làm việc theo nhóm + Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp - Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc 	<p>F.Houston (2009), <i>Quản trị tài chính</i>, Cengage Learning Asia Ltd (ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh dịch)</p>
8	3KQ101	Phân tích kinh doanh (3TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Nội dung học phần về chức năng, vị trí của phân tích kinh doanh trong doanh nghiệp như: khái niệm, nội dung, các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; phân tích tình hình sản xuất; phân tích kết quả sản xuất, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Qua đó, xác định các nhân tố ảnh hưởng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Nguyễn Văn Công (2013), <i>Giáo trình phân tích kinh doanh</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Quang (2014), <i>Giáo trình phân tích</i></p>

			Năng lực cần đạt được: Kết thúc học phần học viên có năng lực vận dụng các phương pháp phân tích để phân tích hoạt động sản xuất, phân tích tình hình tiêu thụ và kết quả sản xuất, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; có năng lực phân tích độc lập, kỹ năng lập luận và trình bày quan điểm.	<p><i>hoạt động kinh doanh</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2013), <i>Phân tích hoạt động kinh doanh</i>, NXB lao động- xã hội.</p>
9	3KQ102	Kế toán cho nhà quản lý (3TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản các vấn đề cơ bản của kế toán, kế toán tài chính và kế toán quản trị, bao gồm bản chất, nguyên tắc trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định; các phương pháp xác định chi phí sản xuất; phân biệt dự toán linh hoạt và dự toán tĩnh; mục tiêu của hệ thống kế toán trách nhiệm, các loại trung tâm trách nhiệm; các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Kết thúc học phần học viên có năng lực đọc hiểu, phân tích thông tin kế toán phục vụ ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn; có khả năng xác định chi phí, lập và phân tích các loại dự toán; có khả năng vận dụng kiến thức để đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm và có khả năng phân tích các báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự (2021), <i>Giáo trình kế toán quản trị</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn và cộng sự (2019), <i>Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam</i>, NXB tài chính.</p> <p>2. Ngô Thế Chi, Nguyễn Mạnh Thiều (2015), <i>Giáo trình Kế toán dành cho nhà quản lý</i>, NXB tài chính.</p>

10	3KC101	Kiểm soát quản lý (3TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần Kiểm soát quản lý cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất kiểm soát quản lý, gắn kết và kiểm soát các hành vi của các thành viên, thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập nội dung kiểm soát quản lý trong từng cơ cấu tổ chức, trình tự các hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý (từ lập kế hoạch thực hiện chiến lược, lập dự toán hoạt động, đo lường và đánh giá các hoạt động thực tế nhằm xác định sự tác động hay can thiệp nếu cần đến thực hiện chính sách đãi ngộ đối với kết quả hoạt động của các thành viên trong đơn vị).</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Người học có thể thực hiện được các hoạt động kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp như thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập các nội dung kiểm soát quản lý, trình tự hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý.</p>	<p>-Giáo trình chính:</p> <p>1. Nguyễn Phương Hoa (2011), <i>Giáo trình kiểm soát quản lý</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>- Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Phạm Văn Dược (2010), <i>Kế toán quản trị lý thuyết & bài tập</i>, NXB Thống kê.</p> <p>2. Trần Xuân Nam (2015), <i>Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính.</p>
11	3KC102	Kiểm soát nội bộ (3TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về KSNB như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của KSNB. Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Hiểu được nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán. Đồng thời, có kỹ năng nhận</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Bộ môn Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2012), <i>Kiểm soát nội bộ</i>, NXB ĐH Kinh tế TP.HCM.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), <i>Kiểm soát nội bộ</i>, NXB Tài chính.</p>

			diện, đánh giá rủi ro trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị.tổ chức KSNB trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị, đánh giá KSNB trong các đơn vị được kiểm toán khi tiến hành các hoạt động kiểm toán.	
12	3QT201	Kỹ năng quản trị (3TC)	<p>Nội dung học phần:</p> <p>Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện các nhóm kỹ năng cần thiết phục vụ điều hành, quản trị doanh nghiệp bao gồm nhóm kỹ năng cá nhân, nhóm kỹ năng quan hệ với con người, nhóm kỹ năng đàm phán, kỹ năng quản trị xung đột, kỹ năng tạo động lực làm việc, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích tài chính và ra quyết định trong doanh nghiệp.</p> <p>Năng lực đạt được:</p> <p>Người học có thể vận dụng thành thạo các nhóm kỹ năng quản trị cá nhân, kỹ năng quản trị nhân sự và kỹ năng quản trị tổ chức vào trong quá trình điều hành đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.</p>	<p>- Giáo trình chính:</p> <p>1. Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2013), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>- Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Hải Sản (2011), <i>Phong cách lãnh đạo hiệu quả và các kỹ năng quản trị cơ bản trong kinh doanh: Dành cho nhà nước quản lý và doanh nhân</i>, NXB Lao động</p> <p>2. Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p>
13	3QK229	Quản trị	Nội dung học phần:	Giáo trình chính:

		Marketing nâng cao (2TC)	<p>Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về quản trị marketing trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường marketing; phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường; Quản trị chiến lược sản phẩm; quản trị chiến lược giá; quản trị kênh phân phối; quản trị truyền thông và marketing tích hợp.</p> <p>Năng lực cần đạt được: Kết thúc học phần học viên có thể vận dụng những lý thuyết về quản trị marketing để phân tích ảnh hưởng của môi trường kinh doanh, phân tích thông tin khách hàng, đối thủ cạnh tranh, xây dựng ma trận SWOT, quản trị chiến lược marketing trong doanh nghiệp.</p>	<p>1. Kotler (2020), <i>Quản trị Marketing</i>, NXB Hồng Đức (sách dịch)</p> <p>Tài liệu tham khảo thêm</p> <p>1. Lưu Đan Thọ, Cao Minh Nhật (2016), <i>Quản trị Marketing hiện đại</i>, NXB Tài chính</p> <p>2. Trương Đình Chiến (2014), <i>Quản trị Marketing</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p>
14	3QT202	Quản trị chiến lược trong tổ chức (3TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp các kiến thức về lý thuyết như: Tổng quan về chiến lược; Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của tổ chức; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Xây dựng chiến lược cho tổ chức; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các công cụ để hỗ trợ thực hành trong việc xây dựng chiến lược của các tổ chức như ma trận SWOT, Ma trận IE-FE, Ma trận BCG, ma trận McKinsey...</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị chiến lược để đánh giá chiến lược của tổ chức; có thể xác định được các bước để xây dựng</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Ngô Kim Thanh (2012), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Liam Fahey & Robert M.Randall (2009), <i>MBA trong tầm tay chủ đề Quản lý chiến lược</i>, NXB tổng</p>

			chiến lược và vận dụng các công cụ để xây dựng và lựa chọn chiến lược cho một tổ chức cụ thể đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.	hợp TP Hồ Chí Minh 2. Ngô Kim Thanh, Lê Minh Tâm (2009), <i>Bài tập quản trị Chiến lược</i> , NXB ĐH KTQD
15	3QT203	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa (3TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự. Duy trì quan hệ lao động theo các thông lệ trong nước và quốc tế.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Kiến thức: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu</p> <p>Kỹ năng: Có kỹ năng hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển chọn nhân sự, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, đãi ngộ nhân sự trong tổ chức</p> <p>Về thái độ: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Thanh Nhân (2016), <i>Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực căn bản</i>, NXB Thống Kê, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Amitabha Sengupta (2021), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>, NXB Hồng Đức</p> <p>2. Nguyễn Văn Điềm, Nguyễn Ngọc Quân (2015), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, NXB Thống kê, Hà Nội.</p>

			phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước	
16	3QT204	Lãnh đạo và quản lý (3TC)	<p>Nội dung học phần:</p> <p>Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu, cập nhật về lãnh đạo và quản lý đồng thời rèn luyện các kỹ năng phẩm chất thái độ về xây dựng tầm nhìn, truyền cảm hứng, tạo động lực, giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng quản lý nhân sự, quản trị nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong tổ chức.</p> <p>Năng lực đạt được: Người học có thể vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng lãnh đạo và quản lý vào trong quá trình điều hành tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 và quá trình toàn cầu hoá.</p>	<p>- Giáo trình chính</p> <p>1. Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), <i>Giáo trình Quản lý học</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>2. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), <i>Khoa học lãnh đạo</i>, NXB lý luận chính trị.</p> <p>- Tài liệu tham khảo</p> <p>1. John C.Maxwell (2012), <i>Phát triển kỹ năng lãnh đạo (Developing the Leader within You)</i>, NXB Lao động - Xã hội.</p> <p>2. Nguyễn Bá Dương (2015), <i>Khoa học lãnh đạo Lý thuyết và Kỹ năng</i>, NXB</p>

				Lý luận chính trị.
17	3QT205	Hành vi tổ chức (3TC)	<p><i>Nội dung học phần</i></p> <p>Học phần nghiên cứu thái độ và hành vi của người lao động trong tổ chức, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc phát huy nguồn lực con người. Học phần làm rõ cơ sở hành vi cá nhân, việc ra quyết định của một cá nhân, vấn đề động lực làm việc của người lao động; cơ sở hành vi nhóm; Lãnh đạo và quyền lực, Giao tiếp trong tổ chức, Xung đột và đàm phán. Bên cạnh đó các vấn đề về tổ chức cũng được đề cập rõ như Cơ cấu tổ chức, Văn hóa tổ chức, Đánh giá và kiểm soát trong tổ chức, Quản lý sự thay đổi và phát triển tổ chức, Quản lý căng thẳng trong công việc.</p> <p>Năng lực cần đạt được:</p> <p>Kết thúc học phần, học viên hiểu và vận dụng được kiến thức về hành vi của các nhân, hành vi nhóm và hành vi của tổ chức, mối liên hệ giữa hành vi cá nhân và hành vi tổ chức. Giải thích được tại sao các nhân trong tổ chức lại hành động như thế này mà không hành động như thế kia trong những tình huống cụ thể. Nắm được bản chất của nhóm, quản trị và xử lý xung đột trong nhóm. Các biện pháp tạo động lực cho các nhân, các thức tổ chức và xây dựng văn hóa trong tổ chức.</p>	<p>1. Giáo trình chính</p> <p>1. Phạm Thúy Hương & Phạm Thị Bích Ngọc (2018), <i>Giáo trình Hành vi tổ chức</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Bùi Anh Tuấn & Phạm Thúy Hương (2013), <i>Giáo trình Hành vi tổ chức</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Robbins S.P, Timothy A. Judge (2012), <i>Hành vi tổ chức</i>, NXB Lao động xã hội.</p> <p>2. Dương Thị Liễu (2012), <i>Văn hóa kinh doanh</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p>
18	3QT206	Ra quyết định quản trị	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Môn học đi sâu phân tích bản chất của vấn đề và quy trình đưa ra quyết định quản trị, gồm 5 phần chính: Vấn đề và bản chất của vấn đề; Mô hình ra quyết</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Ngô Kim Thanh (2012), <i>Giáo trình Quản trị chiến</i></p>

		(3TC)	<p>định quản trị; Các phương pháp ra quyết định quản trị; Phát huy trí tuệ tập thể trong ra quyết định quản trị; Văn hóa và ra quyết định.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về ra quyết định quản trị để phân tích bối cảnh, vận dụng các quy trình, phương pháp và kỹ thuật ra quyết định phù hợp với bối cảnh thực tế</p>	<p>lược, NXB Đại học KTQD.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>2. Lê Thị Lan (2018), <i>Tác động của các nhân tố tới quyết định đầu tư của các DN vào KKT Nghi Sơn</i>, Thanh Hóa, NXB Hồng Đức</p>
19	3QT207	<p>Quản trị tác nghiệp (3TC)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về dự báo nhu cầu khách hàng, nghiên cứu và thiết kế sản phẩm, lựa chọn địa điểm định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng sản xuất kinh doanh, lập lịch trình tác nghiệp, hoạt động tổng hợp, quản trị chất lượng và chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Người học có thể vận dụng thành thạo các kiến thức và kỹ năng về quản trị tác nghiệp trong đơn vị sản xuất và thương mại vào thực tiễn công việc quản trị điều hành đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Nguyễn Thành Hiếu, Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2018), <i>Giáo trình Quản trị tác nghiệp</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Trương Đức Lực, TS Nguyễn Đình Trung (2013) <i>Giáo trình Quản trị tác</i></p>

				<p>nghiệp, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Đồng Thị Thanh Phương (2011) <i>Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và bài tập)</i>, NXB Lao động Xã hội.</p>
20	3QT208	Quản trị chuỗi cung ứng (3TC)	<p>Nội dung học phần:</p> <p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng và những kỹ năng cần thiết để ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng vào trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các khái niệm quản trị chuỗi cung ứng, các quy trình chuỗi cung ứng (Hoạch định và thu mua; Sản xuất và phân phối), ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng, hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng.</p> <p>Năng lực cần đạt được:</p> <p>Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng và vận dụng chúng một cách thành thạo trong doanh nghiệp; và có khả năng xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng hoàn chỉnh cho doanh nghiệp.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Nguyễn Thành Hiếu (2015), <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>Tài liệu tham khảo thêm</p> <p>1. Lê Công Hoa (2018), <i>Quản trị hậu cần</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>2. Trần Thị Ngọc Trang, Trần Văn Thi (2008), <i>Quản Trị kênh phân phối</i>, NXB Thống Kê.</p>
21	3QT209	Quan hệ công	<p>Nội dung học phần:</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về quan hệ công chúng. Hoạt</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Ngô Minh Cách (2015),</p>

		<p>chúng (3TC)</p> <p>động quan hệ công chúng của mỗi doanh nghiệp/tổ chức được thực hiện qua một tập hợp gồm các mảng chức năng: quan hệ đối nội, quan hệ với giới truyền thông, quản trị khủng hoảng, tổ chức sự kiện; quan hệ cộng đồng; quan hệ với nhà đầu tư và hoạt động tài trợ.</p> <p>Năng lực cần đạt được:</p> <p>Kết thúc học phần học viên có thể vận dụng những lý thuyết về quan hệ công chúng trong các môi quan hệ: quan hệ đối nội, quan hệ với giới truyền thông, quản trị khủng hoảng, tổ chức sự kiện; quan hệ cộng đồng; quan hệ với nhà đầu tư và hoạt động tài trợ.</p>	<p><i>Giáo trình Quan hệ công chúng</i>, NXB Tài chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Đình Toàn (2017), <i>Bài giảng Quan hệ công chúng</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p>- Nhóm tác giả trường ĐHHĐ (2016), <i>Giáo trình Quan hệ công chúng</i>, NXB Hồng Đức</p> <p>2. Nguyễn Ngọc Sơn (2020), <i>Mối quan hệ giữa vốn xã hội với cơ hội việc làm của sinh viên các trường ĐH ở Việt Nam</i>, NXB Giao thông vận tải</p>	
22	3QT210	<p>Quản trị rủi ro (3TC)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ đối với cá nhân mà còn rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc ứng phó với những tình huống xấu có thể xảy ra, từ đó có thể hạn chế những thiệt hại trong kinh doanh. Học phần này sẽ</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Eric Verzuh (2020), <i>MBA Căn Bản - Quản Lý Rủi Ro Và Hiệu Suất Công Việc</i>, NXB Dân trí (Hoa Nguyễn</p>

			<p>trang bị cho người học những nội dung cơ bản và nâng cao liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc, mô hình, tiêu chuẩn trong quản trị rủi ro, đặc biệt có phân tích các nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến các hoạt động quản trị rủi ro doanh nghiệp. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tuân thủ, rủi ro báo cáo, rủi ro chiến lược... được giới thiệu trong môn học để giúp người học có kiến thức về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo tiêu chuẩn mới nhất.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i></p> <p>Người học hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp như các mô hình quản trị rủi ro phổ biến đã được nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam và thế giới áp; Vận dụng được các giải pháp quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo nhóm nhân tố tác động; Xây dựng khung quản trị rủi ro, nhận diện, phân tích, đánh giá, kiểm soát và tài trợ rủi ro; kỹ năng ứng dụng các tiêu chuẩn hoặc mô hình quản trị rủi ro cho doanh nghiệp từ đó chủ động ứng phó với những rủi ro của doanh nghiệp.</p>	<p>Ngọc dịch).</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1. Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh (2012), <i>Quản trị học</i>, NXB Văn hóa-Văn nghệ.</p> <p>2. Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p>
23	3TTQT1	Thực tập (6TC)	<p><i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần sẽ nhằm đạt được các mục tiêu là cung cấp cho học viên những kiến thức thực tế về quản trị doanh nghiệp và trang bị những kỹ năng quản trị kinh doanh qua tham quan học hỏi doanh nghiệp thực tế đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.</p> <p>Tham gia học phần này, cao học viên được hướng dẫn tìm hiểu thực tiễn</p>	<p><i>Tài liệu:</i></p> <p>Sử dụng các tài liệu liên quan đến học phần Phương pháp nghiên cứu KH trong kinh doanh và quản lý; Học phần liên quan đến chuyên</p>

		<p>kinh doanh của doanh nghiệp và hệ thống các hoạt động kinh doanh; từ đó học viên có thể ứng dụng các kiến thức được học vào thực tiễn kinh doanh. Kết thúc học phần học viên phải viết được bản báo cáo mô tả thực trạng hoạt động kinh doanh và các vấn đề doanh nghiệp gặp phải. Từ đó tìm ra hướng giải quyết cho doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được</i></p> <p>Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích báo cáo tài chính, xử lý dữ liệu phân tích thị trường, xác định và giải quyết vấn đề, tạo động lực, đánh giá nhân viên và quản lý thời gian hiệu quả,.. - Phân tích được chi tiết hoạt động quản trị kinh doanh của một doanh nghiệp từ đó có thể xây dựng và lựa chọn các chiến lược kinh doanh; chiến lược marketing, nhân sự, tài chính, vật tư của doanh nghiệp phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh trong giai đoạn cụ thể; - Tìm hiểu và phân tích một chủ đề kinh doanh và quản lý có tính thời sự và đề xuất các giải pháp cho doanh nghiệp, tổ chức cụ thể. - Thành thạo trong phân tích báo cáo tài chính, xử lý dữ liệu phân tích thị trường, xác định và giải quyết vấn đề, và quản lý thời gian hiệu quả; Phân tích được chi tiết hoạt động quản trị kinh doanh của một doanh nghiệp từ đó có thể xây dựng và lựa chọn các chiến lược kinh doanh; chiến lược marketing, nhân sự, tài chính, vật tư của doanh nghiệp phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh trong giai đoạn cụ thể; phân tích được các vấn đề về môi trường kinh doanh từ 	<p>đề lựa chọn thực tập; Cơ sở dữ liệu mở thư viện số của trường Đại học Hồng Đức; Tài liệu của đơn vị, lĩnh vực thực tập.</p>
--	--	--	--

			đó đề xuất các giải pháp cho doanh nghiệp, tổ chức cụ thể.	
24	3DAQT1	Tốt nghiệp (đề án) (9 TC)	<p>Học phần tốt nghiệp (đề án) 9 tín chỉ, sau khi học hết 70% học phần của chương trình đào tạo, Bộ môn phụ trách chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tổ chức cho học viên đăng ký đề án và người hướng dẫn; trao đổi và thống nhất người hướng dẫn. Học viên xây dựng đề cương nghiên cứu đề án. Bộ môn tổ chức góp ý đề cương nghiên cứu đề án, học viên hoàn thiện đề cương, có xác nhận của người hướng dẫn và Trưởng bộ môn.</p> <p>Nội dung, yêu cầu, quy trình làm đề án và bảo vệ đề án thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 1 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.</p> <p>Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên ngành học của học viên; - Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; - Tuân thủ quy định của Nhà trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. 	<p><i>Tài liệu:</i></p> <p>Sử dụng các tài liệu liên quan đến học phần Phương pháp nghiên cứu KH trong kinh doanh và quản lý; Học phần liên quan đến chủ đề của đề án tốt nghiệp; Cơ sở dữ liệu mở thư viện số của trường Đại học Hồng Đức; Tài liệu của đơn vị, lĩnh vực nghiên cứu.</p>

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Được phân bổ trong 4 học kỳ. Kỳ 1: gồm 5 học phần (15 tín chỉ); kỳ 2: gồm 05 học phần (15 tín chỉ); kỳ 3: gồm 05 học phần (15 tín chỉ); kỳ 4 gồm 02 học phần (15 tín chỉ): thực tập (06 tín chỉ) và 01 HP tốt nghiệp (đề án) (09 tín chỉ).

Năm thứ nhất	
Học kỳ 1 (15 Tín chỉ)	Học kỳ 2 (15 Tín chỉ)
<ul style="list-style-type: none">- Triết học- Tiếng Anh- Quản trị Marketing nâng cao Chọn 1 trong 2 học phần sau <ul style="list-style-type: none">- Kinh tế học quản lý- Quản lý nhà nước về kinh tế Chọn 1 trong 2 học phần sau <ul style="list-style-type: none">- Thuế trong kinh doanh- Quản trị tài chính DN hiện đại	<ul style="list-style-type: none">- Phương pháp nghiên cứu KH trong kinh doanh và quản lý- Kỹ năng quản trị Chọn 1 trong 2 học phần sau <ul style="list-style-type: none">- Hành vi tổ chức- Ra quyết định quản trị Chọn 1 trong 2 học phần sau <ul style="list-style-type: none">- Phân tích kinh doanh- Kế toán cho nhà quản lý Chọn 1 trong 2 học phần sau <ul style="list-style-type: none">- Kiểm soát quản lý- Kiểm soát nội bộ
Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (15 Tín chỉ)	Học kỳ 2 (15 Tín chỉ)
<ul style="list-style-type: none">- Quản trị chiến lược trong tổ chức- Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa- Lãnh đạo và quản lý Chọn 1 trong 2 học phần sau <ul style="list-style-type: none">- Quản trị tác nghiệp- Quản trị chuỗi cung ứng Chọn 1 trong 2 học phần sau <ul style="list-style-type: none">- Quan hệ công chúng- Quản trị rủi ro	<ul style="list-style-type: none">- Thực tập- Tốt nghiệp (Đề án)

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

MÔN HỌC	CHUẨN ĐẦU RA								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PL05	PLO6	PL07	PLO8	PLO9
Triết học	M								R
Tiếng Anh		M							M
Phương pháp nghiên cứu KH trong kinh doanh và quản lý			R	R					R
Kinh tế học quản lý	R		M			R			R
Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập	R		M			R			R
Thuế trong kinh doanh			M		R		R		R
Quản trị tài chính DN hiện đại			M	R	R		R		R
Phân tích kinh doanh			M	R	R	R	R		R
Kế toán cho nhà quản lý			M	R			R		R
Kiểm soát quản lý			M	R					R
Kiểm soát nội bộ			M	R					R
Kỹ năng quản trị		R	R	M	R		M	M	R
Quản trị Marketing nâng cao				R	M	R			R
Quản trị chiến lược trong tổ chức				M	M	M	M		R
Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa				M	M	R	R	M	R
Lãnh đạo và quản lý			R	M	R		M	M	R
Hành vi tổ chức			R	R	R		R		R

Ra quyết định quản trị			R	R	R	R	R		R
Quản trị tác nghiệp				R	R	R	M		R
Quản trị chuỗi cung ứng				R	R	R	R		R
Quan hệ công chúng			R	R	R	R	R	M	R
Quản trị rủi ro				R	R	R	R		R
Thực tập			R	M	M	R	M	M	R
Tốt nghiệp (Đề án)	R	R	R	M	M	M	M	M	M

Ghi chú: Các mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 (I) - Đóng góp thấp; 2 (R) - Đóng góp trung bình; 3 (M) - Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 4 năm 2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Quang Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Văn Dũng